

khu vực phía Tây Bắc huyện Bình Lục, góp phần cải tạo môi trường, cảnh quan, kết nối giao thông khu vực.

- Nhiệm vụ: Công trình có nhiệm vụ tiêu, thoát nước cho 1.244ha đất tự nhiên trong đó có 867 ha đất nông nghiệp của xã Vũ Bản, An Nội, Trung Lương huyện Bình Lục và một phần diện tích huyện Mỹ Lộc tỉnh Nam Định.

❖ Các hạng mục công trình của dự án:

a) Phần kênh

- Quy mô: Nạo vét và gia cố mái tuyến kênh Chính Tây với chiều dài $L=4951,21\text{m}$, gồm các đoạn như sau:

+ Đoạn 1: Từ C25 đến C58B, chiều dài $L=1666,49\text{m}$, bề rộng đáy kênh $B=5,5\text{m}$, mặt cắt kênh hình thang, gia cố mái kênh hai bên, đỉnh mái kênh bố trí tường chắn, hệ số mái $m=1,5$. Chân khay đỡ BT M200# dày 80cm, dưới lót BT M100# dày 10cm, gia cố nền bằng cọc tre D(6-8)cm dài $L=2,5\text{m}$ mật độ 25 cọc/m². Mái kênh bê tông cốt thép M200# dày 12cm, dưới lót VXM M50# dày 3m, dọc mái kênh có bố trí lỗ thoát nước. Tường bê tông đỡ bằng BTCT M200#, đáy lót BT M100 dày 10cm, gia cố nền bằng cọc tre D(6-8)cm, $L=2,5\text{m}$ mật độ 25 cọc/m². Dọc tuyến cứ 5m bố trí 1 khe lún.

+ Đoạn 2: Từ C58B đến C91, chiều dài $L=1597,45\text{m}$, bề rộng đáy kênh $B=5,5\text{m}$, mặt cắt kênh hình thang, gia cố mái kênh phía bờ tả, đỉnh mái kênh bố trí tường chắn, hệ số mái $m=1,5$. Chân khay đỡ BT M200# dày 80cm, dưới lót BT M100# dày 10cm, gia cố nền bằng cọc tre D(6-8)cm dài $L=2,5\text{m}$ mật độ 25 cọc/m². Mái kênh bê tông cốt thép M200# dày 12cm, dưới lót VXM M50# dày 3m, dọc mái kênh có bố trí lỗ thoát nước. Tường bê tông đỡ bằng BTCT M200#, đáy lót BT M100 dày 10cm, gia cố nền bằng cọc tre D(6-8)cm, $L=2,5\text{m}$ mật độ 25 cọc/m². Dọc tuyến cứ 5m bố trí 1 khe lún.

+ Đoạn 3: Từ đến C91 đến KC, chiều dài $L= 1687,27\text{m}$, bề rộng đáy kênh $B=6.0\text{m}$, mặt cắt kênh hình thang, gia cố mái kênh phía bờ tả, đỉnh mái kênh bố trí tường chắn, hệ số mái $m=1,5$. Chân khay đỡ BT M200# dày 80cm, dưới lót BT M100# dày 10cm, gia cố nền bằng cọc tre D(6-8)cm dài $L=2,5\text{m}$ mật độ 25 cọc/m². Mái kênh bê tông cốt thép M200# dày 12cm, dưới lót VXM M50# dày 3m, dọc mái kênh có bố trí lỗ thoát nước. Tường bê tông đỡ bằng BTCT M200#, đáy lót BT M100 dày 10cm, gia cố nền bằng cọc tre D(6-8)cm, $L=2,5\text{m}$ mật độ 25 cọc/m². Dọc tuyến cứ 5m bố trí 1 khe lún.

b) Phần đường dọc bờ kênh

- Quy mô: làm đường giao thông dọc tuyến trên bờ kênh phía bắc gồm các đoạn như sau:

+ Đoạn 1: Từ C25 đến C91 với tổng chiều dài $L=3120,54\text{m}$; quy mô đường cấp V đồng bằng với $B_{\text{nền}} = 7,5\text{m}$, $B_{\text{mặt}} = 5,5\text{m}$;

+ Đoạn 2: Từ C91 đến hết tuyến (KC), chiều dài tuyến $L=1675,04\text{m}$; quy mô đường GTNT cấp B với $B_{\text{nền}} = 5,0\text{m}$, $B_{\text{mặt}} = 3,5\text{m}$;

- Kết cấu:

+ Đường đoạn 1: Đoạn này hiện trạng đã có đường BTXM với bề rộng mặt 3,5m còn tốt vì vậy chỉ cần mở rộng mặt, nền đường để đảm bảo quy mô và tận dụng kết cấu móng đường đã có gồm các dạng kết cấu như sau:

++ Phần kết cấu mặt đường cần mở rộng từ trên xuống: BTN dày 7cm, tưới lớp thấm bám mặt đường bằng nhũ tương gốc axit (lượng nhũ tương $1\text{kg}/\text{m}^2$), đá dăm cấp phối K98 lớp trên dày 15cm, đá dăm cấp phối K98 lớp dưới dày 18cm, đá lẫn đất đầm K98 dày 50cm, đá lẫn đất đầm K95 dày 50cm.

++ Phần mặt đường tận dụng lại kết cấu mặt đường cũ tiến hành bù vênh mặt tạo phẳng trước khi gia cố mặt như sau:

+++ Với chiều dày bù vênh $\geq 12\text{cm}$, kết cấu đường như sau: BTN C19 dày 7cm, tưới lớp thấm bám mặt đường bằng nhũ tương gốc axit (lượng nhũ tương $1\text{kg}/\text{m}^2$), bù vênh bằng cấp phối đá dăm đầm K98 lớp trên, kết cấu đường bê tông cũ.

+++ Với chiều dày bù vênh $< 12\text{cm}$, kết cấu đường như sau: BTN C19 dày 7cm, tưới lớp dính bám mặt đường bằng nhũ tương gốc axit (lượng nhũ tương $0,5\text{kg}/\text{m}^2$), bù vênh tạo phẳng bằng bê tông nhựa ($R \geq 25$), tưới lớp thấm bám mặt đường bằng nhũ tương gốc axit (lượng nhũ tương $1\text{kg}/\text{m}^2$), kết cấu đường bê tông cũ.

+ Đường loại 2: Kết cấu mặt từ trên xuống: Bê tông mặt đường M250 dày 20cm, lớp giấy dầu chống mất nước, móng đá dăm cấp phối đầm K98 dày 12cm, đá lẫn đất đầm K95 dày 30cm.

c) Phần công trình trên tuyến

- Kiên cố hóa tuyến kênh tưới trạm bơm Độ Việt: Đoạn tuyến kênh tưới từ C91 đến C124+15,91 $L=1637,16\text{m}$, mặt cắt dạng hình chữ nhật $B \times H=1,0 \times 1,4\text{m}$. Kết cấu kênh với tường xây gạch XMCL M75# trát VXM M75 dày 1.5cm, giằng dọc, ngang bằng bê tông cốt thép M200#, đáy kênh bê tông cốt thép M200# dày 15cm, nilon lót, dưới đệm cát dày 10cm. Cứ 10m làm 1 khe lún.

- Cải tạo, nâng cấp công trình trên tuyến (gồm tổng 37 công trình): 10 cống trên kênh kích thước $(n \times (B \times H))=2 \times (2,5 \times 3,3)\text{m}$, 8 cống hộp $B \times H=1,0 \times 1,0\text{m}$, 3 cống D100, 12 cống D60, 4 tấm đan qua kênh tưới. Kết cấu cống hộp trên kênh $2 \times (2,5 \times 3,3)\text{m}$ được đổ toàn bộ bằng BTCT M300, nền gia cố bằng cọc tre; các cống hộp $B \times H=1,0 \times 1,0\text{m}$ được đổ bằng BTCT M200, nền gia cố bằng cọc tre, điều tiết bằng cánh thép, nâng hạ bằng vít nâng V1; các cống tròn D100, D60 sử dụng các ống cống BTCT đúc sẵn, đáy và tường đầu đổ BT M200, điều tiết bằng cánh van, nâng hạ bằng vít nâng V1, các tấm đan qua kênh tưới đổ bằng BTCT M200.

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH TRÊN KÊNH

STT	Công trình	Bờ tả	Bờ hữu	Trên kênh	Khẩu độ TK
1	Cống ngang kênh	C33+35			1,0x1,0
2	Cống trên kênh			C37+16	2x(2,5x3,3)
3	Cống ngang kênh		C37+30		D60
4	Cống ngang kênh	C41+42			1,0x1,0
5	Cống ngang kênh		C41+42		D100
6	Cống trên kênh			C42+9	2x(2,5x3,3)
7	Cống ngang kênh	C42+22			1,0x1,0
8	Cống ngang kênh		C47+9		D100
9	Cống trên kênh			C47+15	2x(2,5x3,3)
10	Cống ngang kênh		C51+26		D60
11	Cống trên kênh			C51+31	2x(2,5x3,3)
12	Cống trên kênh			C54+22	2x(2,5x3,3)
13	Cống trên kênh			C56+47	2x(2,5x3,3)
14	Cống ngang kênh	C62+30			1,0x1,0
15	Cống ngang kênh		C64		D60
16	Cống trên kênh			C64+8,2	2x(2,5x3,3)
17	Cống trên kênh			C68+10	2x(2,5x3,3)
18	Cống ngang kênh	C72+17			1,0x1,0
19	Cống ngang kênh		C72+19		D60
20	Cống trên kênh			C72+25	2x(2,5x3,3)
21	Cống ngang kênh	C72+35			1,0x1,0
22	Cống ngang kênh		C79+4		D100
23	Cống ngang kênh	C80+25			1,0x1,0
24	Cống ngang kênh tưới	C95+9			D60
25	Cống trên kênh			C96+4	2x(2,5x3,3)
26	Tấm đan qua kênh tưới			C96+4	
27	Cống ngang kênh tưới	C98+13			D60
28	Cống ngang kênh tưới	C100+18			D60
29	Tấm đan qua kênh tưới			C100+20	
30	Tấm đan qua kênh tưới			C107+8	
31	Cống ngang kênh tưới	C109+38			D60
32	Tấm đan qua kênh tưới			C109+40	
33	Cống ngang kênh tưới	C112+20			D60
34	Cống ngang kênh tưới	C113+28			D60

35	Cống ngang kênh tưới	C119+26			D60
36	Cống ngang kênh tưới	C121+9			D60
37	Cống ngang kênh	KC			1,0x1,0

d) Các công trình phụ trợ

- Trên tuyến kênh: Bố trí bậc rửa lên xuống mái kênh xây bằng gạch;
- Trên tuyến đường: Bố trí biển báo giao thông, giò chắn bánh xe, cọc tiêu để đảm bảo an toàn giao thông.

II. Tác động môi trường của dự án đầu tư

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án

2.2.1. Giai đoạn triển khai xây dựng dự án

a) Nước thải

- Nguồn phát sinh: từ xây dựng và sinh hoạt của công nhân xây dựng
- Quy mô: Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công khoảng 2,25m³/ngày.
- Tính chất của nước thải: Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công có thành phần chứa nhiều chất cặn bã, các chất lơ lửng (SS), chất hữu cơ dễ phân huỷ (BOD₅, COD), chất dinh dưỡng (N, P) và các vi khuẩn gây bệnh; Nước thải thi công có thành phần ô nhiễm chủ yếu là: SS (150-200mg/l), COD (50-80mg/l), dầu mỡ (1,0-2,0 mg/l).

b) Khí thải

- Nguồn phát sinh: Ô nhiễm bụi, khí thải của các phương tiện vận tải, máy móc thi công;
- Tính chất của khí thải: Ô nhiễm bụi, khí thải của các phương tiện vận tải, máy móc thi công do tiêu thụ nhiên liệu (dầu DO) với các chất ô nhiễm như SO₂, CO, NO₂, VOC.

c) Chất thải rắn thông thường

- + Chất thải rắn sinh hoạt khoảng 15kg/ngày
- + Chất thải rắn xây dựng gồm vỏ bao xi măng, đầu mẩu gỗ cốp pha, cốt ép, đất đá, cát sỏi rơi vãi... khoảng 550 tấn/quá trình.
- + Khối lượng bùn đất đào vét là: 53.671,13 m³ tương đương 61.721,8 tấn
- + Khối lượng cây cối, thực vật phát quang và phế liệu tháo dỡ công trình hai bên bờ kênh là 635 tấn/quá trình.
- *Chất thải nguy hại:* Chủ yếu là vỏ hộp sơn, bóng đèn huỳnh quang hỏng, giẻ lau dính dầu mỡ, dầu mỡ thải, thùng chứa dầu thải, đầu mẩu que hàn... khoảng 644,86 kg/năm.

2.2.2. Giai đoạn vận hành dự án

- Nước thải: hoạt động sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt trong phạm vi tiêu nước của kênh Chính Tây.
- Khí thải:

- + Nguồn phát sinh: từ hoạt động đi lại của các phương tiện trên đường bờ kênh
- + Tính chất của khí thải: Ô nhiễm bụi, khí thải của các phương tiện
- Chất thải rắn:
 - + Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động nạo vét kênh Chính Tây: Trong giai đoạn hoạt động của dự án, định kỳ 3-5 năm/lần sẽ thực hiện nạo vét lớp bùn đáy kênh để duy tu bảo dưỡng và đảm bảo chức năng hoạt động tiêu thoát nước của kênh.
 - + Chất thải rắn trôi nổi theo dòng nước từ các cống dẫn, trạm bơm đến kênh: các loài thực vật trôi nổi (các loại bèo, rau, cỏ, động vật chết,...), các chất thải do hoạt động sản xuất nông nghiệp (vỏ bao bì thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ, túi nilon) Theo dự báo ước tính khối lượng phát sinh khoảng 25 kg/ngày, vào mùa lũ có thể phát sinh 120 kg/ngày.
 - + Chất thải rắn phát sinh từ hoạt động vệ sinh đường, nạo vét hệ thống cống rãnh và làm cỏ giải phân cách, vỉa hè khoảng 50 kg/tháng.

2.2. Các tác động môi trường khác

- Tác động đến tâm lý, sinh kế của người dân bị mất đất canh tác.
- Tạo môi trường, cảnh quan đô thị sạch, đẹp, văn minh.
- Gia tăng sức ép lên cơ sở hạ tầng khu vực: Y tế, giáo dục, giao thông,...

III. Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

3.1. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1.1 Giảm thiểu tác động của bụi

a) Giai đoạn xây dựng cơ bản

- + Ưu tiên chọn nguồn cung cấp vật liệu gần khu vực dự án.
- + Có kế hoạch, chương trình đảm bảo ATLĐ và vệ sinh môi trường.
- + Phương tiện vận chuyển phải có tấm chắn bảo vệ, bạt che kín các thùng khi di chuyển trên đường giao thông.
 - + Không vận chuyển vào các giờ nghỉ: 21h - 6h, 11h30 - 13h30.
 - + Có hàng rào tôn ngăn cách đối với những khu vực gần khu dân cư.
 - + Không vận chuyển quá tải nhằm hạn chế rơi vãi và vượt quá tải trọng của xe.
 - + Bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển và đi lại.
 - + Không sử dụng các phương tiện đã quá thời gian đăng kiểm.
 - + Quy định tốc độ xe, máy móc khi hoạt động trong khu vực dự án.
 - + Bố trí các xe chở nước phun ẩm công trường thi công vào các ngày trời khô hanh, nắng nóng với tần suất 4 lần/ngày.
 - + Xe vận chuyển trước khi ra khỏi công trường sẽ được xịt rửa đất cát, bụi.
 - + Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho thợ hàn: Kính bảo hộ, quần áo bảo hộ, mũ bảo hộ, gang tay bảo hộ, mặt nạ phòng độc.
 - + Che chắn khu vực hàn bằng các vật liệu không cháy nhằm hạn chế tác động

do quá trình hàn gậy ra đời với khu vực xung quanh.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

Khi dự án đi vào hoạt động các nguồn ô nhiễm không khí chính trong khu vực dự án là bụi, khí thải, tiếng ồn từ các phương tiện tham gia lưu thông trên tuyến đường bờ kênh.

Do đặc thù của kênh Chính Tây, bờ kênh có đường giao thông nông thôn, hai bên phần lớn là đất nông nghiệp, không gian rộng thoáng nên giảm được bụi và khí thải phát tán vào không khí và cũng làm giảm tiếng ồn phát sinh.

Tuy nhiên các biện pháp sau sẽ được áp dụng:

- Thường xuyên dọn dẹp sạch sẽ tuyến đường bờ kênh.
- Không cho phép các xe vượt quá tải trọng cho phép lưu thông trên tuyến đường dọc kênh.

- Tuyên truyền giáo dục người dân tuân thủ Luật giao thông đường bộ.

3.1.2. Hệ thống thu gom và xử lý nước thải, nước mưa

a) Giai đoạn xây dựng cơ bản

- Nước thải sinh hoạt:

- + Sử dụng nhà vệ sinh di động dạng container (01 container 10 feet có 2 phòng) để quản lý và thu gom lượng nước thải sinh hoạt phát sinh.

- + Định kỳ 3 lần/tuần sẽ thuê đơn vị chuyên trách đến thu gom và mang các loại chất thải của nhà vệ sinh di động đi xử lý theo quy định.

- Nước thải thi công và rửa xe:

Không tập trung các loại nguyên vật liệu gần các tuyến thoát nước để ngăn ngừa chất thải rò rỉ qua đường thoát nước thải.

- + Nước thải rửa xe: được thu gom qua bể tách váng dầu sau đó đưa sang bể lắng bùn cát để loại bỏ các thành phần ô nhiễm. Tần suất thay vật liệu thấm dầu là 02 lần/tuần và thu gom xử lý theo quy định hiện hành

- + Nước thải thi công: được bố trí lắng cặn tại bể lắng.

Bể tách váng dầu 03 ngăn có kích thước rộng x dài x cao = 0,5 x (0,56+0,5+0,5) x 1,0 (m).

Bể lắng bùn cát có kích thước rộng x dài x cao = 0,5 x 1,0 x 1,0 (m)

- Nước mưa chảy tràn: Xây dựng hệ thống thu gom nước mưa và định hướng dòng chảy ngay từ giai đoạn đầu của quá trình thi công xây dựng để đảm bảo vấn đề tiêu thoát nước bề mặt, không gây nên tình trạng ngập úng cục bộ, đồng thời để hạn chế lượng nước mưa chảy tràn kéo theo các chất bẩn trong khu vực gây ô nhiễm nguồn nước mặt; khu vực tập kết nguyên vật liệu và phế thải xây dựng được che chắn bằng bạt, chống rửa trôi làm tắc hệ thống thoát nước. Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh mặt bằng thi công sạch sẽ hàng ngày tránh đất đá và chất bẩn rơi vãi.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Nước mưa từ mặt đường được chảy tràn về phía 2 bên lề đường, chảy vào hệ thống kênh mương của khu vực.

- Tu sửa, vệ sinh đường xá thường xuyên để mưa lớn, nước mưa được tiêu thoát nhanh nhất.

- Nước thải được thu gom từ các khu hành chính, dân cư được dẫn theo đường thoát nước thải về trạm xử lý tập trung để xử lý.

- Để giảm thiểu các tác động của nước thải từ sản xuất nông nghiệp đến môi trường nước cần áp dụng các giải pháp khoa học kỹ thuật để hạn chế việc sử dụng các loại hóa chất nông nghiệp. Các giải pháp như: quản lý dịch hại tổng hợp (IPM), sử dụng các loại phân hữu cơ thay thế dần cho phân hóa học, các hộ chăn nuôi cần có hầm biogas hoặc các công trình xử lý nước thải trước khi xả thải,....

- Các nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp,... phải có hệ thống xử lý nước thải đảm bảo tiêu chuẩn trước khi xả thải.

- Đẩy mạnh việc thực hiện chương trình vệ sinh môi trường nông thôn, bảo đảm 100% hộ dân có nhà tắm, nhà vệ sinh. Thực hiện việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt. Có kế hoạch thu gom, xử lý các bã thải của các sản phẩm nông nghiệp sau thu hoạch.

- Thường xuyên kiểm tra, tôn tạo, bảo dưỡng, nạo vét các tuyến kênh mương đầu nổi thoát nước với kênh Chính Tây tránh các dòng chảy mang bùn đất, chất ô nhiễm đổ vào kênh, nhất là các cơn mưa đầu mùa.

- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, xử phạt theo luật định.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải rắn

a) Giai đoạn xây dựng cơ bản

- Rác thải sinh hoạt của công nhân xây dựng:

+ Bố trí 02 thùng nhựa, có nắp đậy, dung tích mỗi thùng khoảng 120 lít để lưu giữ rác sinh hoạt.

+ Hợp đồng với đơn vị dịch vụ thu gom, vận chuyển rác sinh hoạt theo quy định với tần suất khoảng 01 lần/ngày.

- Chất thải rắn xây dựng: Thực hiện tuân thủ theo các quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng (CTRXD) tại Quyết định số 44/2017/QĐ-UBND ngày 20/11/2017 của UBND tỉnh Hà Nam Quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng trên địa bàn tỉnh Hà Nam.

- Trang bị 05 thùng chứa chất thải nguy hại bằng nhựa có nắp đậy, được dán nhãn cảnh báo dung tích 50 lít để lưu giữ CTNH.

- Vị trí đổ thải phải đảm bảo các thông số kỹ thuật không phát tán ô nhiễm ra môi trường xung quanh.

- CTNH được lưu giữ tạm tại kho bằng container (10 feet) sau đó hợp đồng

với đơn vị dịch vụ có đủ chức năng vận chuyển, xử lý theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về quản lý CTNH. Tần suất vận chuyển, xử lý khoảng 06 tháng/lần.

b) Giai đoạn dự án đi vào hoạt động

- Định kỳ duy tu, nạo vét kênh Chính Tây và các tuyến kênh mương đầu nổi, bùn đất nạo vét cần bố trí vị trí đổ thải phù hợp tránh gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Đảm bảo toàn bộ chất thải được thu gom và vận chuyển xử lý theo quy định tránh để bừa bãi có thể cuốn theo nước mưa chảy tràn gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại

a) Giai đoạn xây dựng cơ bản

- Quá trình thi công dự án sẽ hạn chế thay dầu, sửa chữa tại khu vực để hạn chế tới mức thấp nhất sự rơi vãi các loại dầu máy có chứa thành phần độc hại ra môi trường, các phương tiện máy móc bị hỏng hóc sẽ được đưa đến gara chuyên nghiệp để sửa chữa.

- Đưa ra nội quy quản lý chất thải trên công trường, yêu cầu công nhân phải tập kết chất thải nguy hại vào khu vực lưu giữ.

- Thu gom chất thải vào các thùng chứa CTNH, mỗi loại chất thải phát sinh sẽ được chứa trong các thùng chứa riêng biệt, bố trí 5 thùng chứa 50 lít để lưu giữ CTNH. Sau đó nhà thầu thi công sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng đem đi xử lý, CTNH được lưu giữ trong khu vực lưu giữ được bố trí gần khu vực lán trại công nhân và có dạng nhà container 10 feet.

- Đảm bảo quản lý chất thải nguy hại theo đúng quy định của Nhà nước. Công ty sẽ hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng về xử lý chất thải nguy hại để vận chuyển đi xử lý đúng quy định. Tần suất vận chuyển CTNH phụ thuộc vào lượng chất thải phát sinh hàng ngày.

Bố trí công nhân thu gom các loại chất thải phát sinh sau khi kết thúc giờ làm đồng thời phải phân loại đầy đủ các loại chất thải nguy hại, thường xuyên kiểm tra thùng chứa CTNH nếu đầy sẽ báo cho đơn vị vận chuyển và xử lý CTNH đến để tiến hành thu gom và đem đi xử lý theo quy định.

3.1.5. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác

a) Giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn xây dựng

- Không hoạt động vào các giờ cao điểm về mật độ giao thông.

- Ô tô chuyên chở nguyên vật liệu phải có bạt che phủ, không chở quá tải, không làm rơi vãi đất đá, nguyên vật liệu để hạn chế tối đa sự phát thải bụi ra môi trường.

- Không sử dụng máy móc thiết bị quá cũ trong thi công. Các thiết bị đều lắp ống giảm thanh.

- Quy định tốc độ xe ra vào công trình, vận hành máy móc đúng thông số kỹ thuật đã quy định.

- Sử dụng các loại xe được đăng kiểm theo quy định.

b) Giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung trong giai đoạn hoạt động

- Xây dựng gờ giảm tốc, biển báo tốc độ và kiểm soát các phương tiện vận chuyển đảm bảo đúng tốc độ.

- Hạn chế dùng còi công suất lớn trong khu vực.

3.1.6. Giảm thiểu tác động khác

- Biện pháp phòng chống, ứng phó sự cố thiên tai (bão, mưa lớn, lũ lụt)

Công tác phòng chống thiên tai bão lũ phải thường xuyên được chú trọng trong suốt quá trình vận hành của dự án. Để có thể chủ động đối phó với giông bão, gió mạnh, mưa lớn bất thường. Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Hà Nam và Xí nghiệp thủy nông huyện Bình Lục cần thực hiện như sau:

- Căn cứ tình hình thực tế Công ty thành lập Ban phòng chống lũ bão trong đơn vị, đồng thời trang bị đầy đủ về kỹ thuật cũng như các vật dụng cần thiết.

- Xây dựng và tổ chức triển khai phương án phòng, chống thiên tai. Đồng thời phối hợp chặt chẽ với Ban phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn địa phương nhằm tăng cường cho công tác phòng chống thiên tai bão lũ.

- Tăng cường hệ thống thông tin liên lạc cho khu vực, thường xuyên theo dõi tình hình thời tiết để có thể chủ động điều động lực lượng, trang thiết bị ứng cứu. Đặc biệt là việc phối hợp với các trạm bơm của khu vực trong công tác bơm tiêu nước.

- Ban phòng chống thiên tai tổ chức trực ban 24/24 để theo dõi tình hình của mưa bão.

- Tổ chức diễn tập ứng phó sự cố thiên tai bão lụt để từng bước hoàn thiện phương án ứng phó sự cố thiên tai.

3.2. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án

Các công trình bảo vệ môi trường chính của dự án như sau:

TT	Công trình bảo vệ môi trường
1	Thùng chứa rác thải nguy hại, bãi thải
2	Kho lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại
3	Hệ thống thu gom và thoát nước thải
4	Hệ thống thu gom và thoát nước mưa
6	Các biện pháp khác

IV. Chương trình quản lý và giám sát môi trường; Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

4.1. Giám sát môi trường trong giai đoạn xây dựng

- * Giám sát chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại
 - Giám sát khối lượng và chủng loại phát sinh và công tác quản lý, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn.
 - Tần suất: thường xuyên.
 - Quy định giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.
- * Giám sát các vấn đề môi trường khác
 - + Kiểm tra việc thực hiện các biện pháp an toàn lao động, an toàn giao thông khu vực.

4.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn hoạt động

- * Giám sát chất thải rắn thông thường
 - Giám sát khối lượng và chủng loại phát sinh và công tác quản lý, thu gom, lưu giữ, vận chuyển chất thải rắn.
 - Tần suất: thường xuyên.
 - Quy định giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

V. Các nội dung khác có liên quan đến dự án đầu tư

5.1. Tiến độ thực hiện dự án: Năm 2023-2025

5.2. Tổng mức đầu tư dự án dự kiến

- Tổng mức đầu tư dự án dự kiến: 95.708 triệu đồng.
- Nguồn vốn đầu tư: Từ nguồn ngân sách trung ương và ngân sách tỉnh.